TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 43/2019/DS-ST
Ngày: 27-8-2019.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân: 1.Ông Lưu Đức Chung.

2. Ông Nguyễn Văn Phước.

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

-**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 126/2019/QĐST - DS ngày 07 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T.

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyễn Khoa N, chức vụ: Phó giám đốc trung tâm thẻ Sacombank. (Văn bản ủy quyền số 3892 ngày 03/12/2018).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Anh Trần Việt T, chức vụ: Nhân viên. (Văn bản ủy quyền số 526/2019/UQ-TTT ngày 08/4/2019).

- ***Bị đơn:*** Bà Lê Thị Mộng T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 389/B, ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T, chị T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 03 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh Trần Việt T trình bày:

Ngày 04/10/2012, bà T có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp 2 thẻ tín dụng (Visa Classic 472074-8193 và thẻ Family Credit 970403-8978), với hạn mức sử dụng chung là 32.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.208.000đồng, trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 29.773.848 đồng (trong đó thẻ Visa Classic 472074-8193 là 1.900.000đồng và thẻ Family Credit 970403-8978 là 27.873.848 đồng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T cũng không có thiện chí trả nợ , bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 27/8/2019, bà T còn nợ tổng số tiền là : 79.438.682 đồng (trong đó nợ gốc 28.532.150 đồng, lãi quá hạn : 50.906.532 đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T yêu cầu Tòa án buộc bà T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền trên.

Ngày 26/8/2019, anh Trần Việt T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

-Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp và các quyết định của Tòa án nhưng bà T không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai của chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên bị đơn chưa thực hiện đúng các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Việt T vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

Bà Lê Thị Mộng T có hộ khẩu thường trú tại ấp 6, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai, khi ký hợp đồng tín dụng bà T cũng cung cấp cho Ngân hàng địa chỉ trên nhưng theo biên bản xác minh ngày 20/5/2019, Công an xã A, huyện L cung cấp bà T không còn sinh sống tại địa chỉ trên khoảng 3 năm nay, bà T đi đâu, làm gì địa phương không biết. Bà T chuyển đi nơi khác làm ăn, sinh sống mà không báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ -HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

Bà T đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật : Bị đơn bà Lê Thị Mộng T có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp 2 thẻ tín dụng (Visa Classic 472074-8193 và thẻ Family Credit 970403-8978), với hạn mức sử dụng chung là 32.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo quy định tại Điều 4, Điều 98 Luật số 47/2010/QH12 Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội khóa 12 thông qua ngày 16/6/2010 thì cấp tín dụng là một trong những hoạt động của Ngân hàng thương mại nói chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

[3] Về nội dung vụ án: Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.208.000đồng, trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 29.773.848 đồng (trong đó thẻ Visa Classic 472074-8193 là 1.900.000đồng và thẻ Family Credit 970403-8978 là 27.873.848 đồng). Tính đến nay, bà T còn nợ gốc là 28.532.150 đồng, lãi quá hạn : 50.906.532 đồng, tổng cộng là 79.438.682 đồng. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, do đó, bà T phải có trách nhiệm trả tiền nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền là 79.438.682 đồng.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Mộng T phải chịu 3.971.950 đồng (làm tròn 3.972.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản1, 2 Điều 227, khoản1, 3 Điều 228, 238, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 154, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T.

Bà Lê Thị Mộng T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ gốc là 28.532.150 đồng; tiền lãi là: 50.906.532đồng, tổng cộng: 79.438.682 đồng, làm tròn 79.439.000 đồng (Bảy mươi chín triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn đồng).

2. Về án phí: Bà Lê Thị Mộng T phải chịu 3.972.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.472.322 đồng theo biên lai số 0028778 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh .

Kể từ ngày 28/8/2019, bà Lê Thị Mộng T phải chịu thêm tiền lãi phát sinh tính trên số dư nợ gốc của hợp đồng ký kết ngày 04/10/2012, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Bà Lê Thị Mộng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
-VKSND H. Long Thành.
-THA H. Long Thành.
-Các đương sự.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân | Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

/